

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 3 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		769.895.200.281	466.240.678.257
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	255.321.546	130.068.849.738
111	1. Tiền		255.321.546	24.068.849.738
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	106.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		769.639.878.735	336.171.828.519
135	1. Các khoản phải thu khác	5	769.639.878.735	336.171.828.519
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		210.772.561.000	210.772.561.000
250	I. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		210.772.561.000	210.772.561.000
251	1. Đầu tư vào các công ty con	6	210.772.561.000	210.772.561.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		980.667.761.281	677.013.239.257
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.299.253.883	2.810.858.938
310	I. Nợ ngắn hạn		3.299.253.883	2.810.858.938
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.297.405.317	999.437.877
319	2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.001.848.566	1.811.421.061
400	A. VỐN CHỦ SỞ HỮU		977.368.507.398	674.202.380.319
410	I. Vốn chủ sở hữu	7	977.368.507.398	674.202.380.319
411	1. Vốn cổ phần		116.418.160.000	109.567.040.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		120.504.772.500	115.489.262.500
414	3. Cổ phiếu quỹ		(300.394.500)	-
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		740.745.969.398	449.146.077.819
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		980.667.761.281	677.013.239.257


Võ Thị Phương Thảo
Người lập


Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Ngày 12 tháng 5 năm 2014


Lý Trần Kim Ngân
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

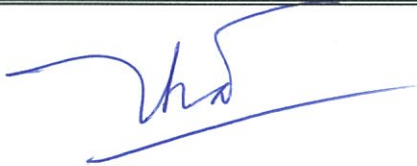
VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (chưa được kiểm toán)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận (lỗ) trước thuế		292.897.296.896	(7.188.794)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	8	(293.170.576.929)	(55.658.482)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(273.280.033)	(62.847.276)
09	Tăng các khoản phải thu		(49.883.970.349)	-
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(63.942.495)	62.839.186
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(999.437.877)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(51.220.630.754)	(8.090)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho công ty con vay		(162.416.000.000)	(19.950.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		70.550.000.000	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con		-	19.950.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay		1.452.497.062	55.658.482
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(90.413.502.938)	55.658.482
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		11.866.630.000	-
32	Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ		(46.024.500)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		11.820.605.500	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (chưa được kiểm toán)
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(129.813.528.192)	55.650.392
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		130.068.849.738	18.141.285
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	255.321.546	73.791.677




Võ Thị Phương Thảo
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Ngày 12 tháng 5 năm 2014



Lý Trần Kim Ngân
Kế toán trưởng



Trần Lê Quân
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty là công ty mẹ đầu tư vào hai công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty nắm 99,35% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động và 79,95% phần vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử.

Hoạt động chủ yếu của Công ty là quản lý các khoản đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 222 Yersin, Phường Phú Cường, Thị Xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

3.3 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.4 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.5 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được cổ đông phê duyệt trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.6 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Tiền gửi ngân hàng	255.321.546	24.068.849.738
Tương đương tiền	-	106.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>255.321.546</u>	<u>130.068.849.738</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 10</i>)	<u>719.689.878.735</u>	<u>336.171.828.519</u>

6. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

	<u>Ngày 31 tháng 3 năm 2014</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</u>	
	<i>Giá trị đầu tư VNĐ</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>Giá trị đầu tư VNĐ</i>	<i>% sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	130.820.561.000	99,35	130.820.561.000	99,35
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử	<u>79.952.000.000</u>	79,95	<u>79.952.000.000</u>	79,95
TỔNG CỘNG	<u>210.772.561.000</u>		<u>210.772.561.000</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

7. VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VNĐ				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (chưa được kiểm toán)					
Số đầu kỳ	105.026.670.000	78.485.247.000		47.288.746.952	230.800.663.952
Lỗ thuần trong kỳ	-	-		(7.188.794)	(7.188.794)
Số cuối kỳ	<u>105.026.670.000</u>	<u>78.485.247.000</u>		<u>47.281.558.158</u>	<u>230.793.475.158</u>
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014					
Số đầu kỳ	109.567.040.000	115.489.262.500		- 449.146.077.819	674.202.380.319
Phát hành cổ phiếu	6.851.120.000	5.015.510.000		-	11.866.630.000
Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ	-	-	(300.394.500)	-	(300.394.500)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	291.599.891.579	291.599.891.579
Số cuối kỳ	<u>116.418.160.000</u>	<u>120.504.772.500</u>	<u>(300.394.500)</u>	<u>740.745.969.398</u>	<u>977.368.507.398</u>

7.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cổ phiếu
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	10.956.704
Tăng trong kỳ	<u>685.112</u>
Ngày 31 tháng 3 năm 2014	<u>11.641.816</u>

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VNĐ của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

8. DOANH THU TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (chưa được kiểm toán)
Cổ tức	287.000.000.000	-
Lãi tiền gửi	<u>6.170.576.929</u>	<u>55.658.482</u>
TỔNG CỘNG	<u>293.170.576.929</u>	<u>55.658.482</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

9. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện hành. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lợi nhuận chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013 (chưa được kiểm toán)	VNĐ
	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014	
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	292.897.296.896	(7.188.794)
Các khoản điều chỉnh		
Thu nhập từ cổ tức	(287.000.000.000)	-
Lợi nhuận chịu thuế (lỗ tính thuế) ước tính trong năm	<u>5.897.296.896</u>	<u>(7.188.794)</u>
Thuế TNDN ước tính trong năm	1.297.405.317	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	999.437.877	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(999.437.877)	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	<u>1.297.405.317</u>	<u>-</u>

10. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	VNĐ Số tiền
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	162.416.000.000
		Thu hồi vay	48.000.000.000
		Lãi vay	5.256.415.477
		Cổ tức	287.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới Điện Tử	Công ty con	Thu hồi vay	22.550.000.000
		Lãi vay	245.080.953
Ông Đinh Anh Huân	Thành viên	Tạm ứng	49.950.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

10. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>VNĐ Phải thu</i>
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	424.542.460.800
		Cổ tức	287.000.000.000
		Lãi vay	8.147.417.935
Ông Đinh Anh Huân (*)	Thành viên	Tạm ứng	49.950.000.000
TỔNG CỘNG			<u>769.639.878.735</u>

(*) Đây là khoản tạm ứng cho ông Đinh Anh Huân để mua 19,95% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Thế Giới Điện Tử ("ETW").

11. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có khả năng gặp rủi ro tín dụng.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu

Rủi ro tín dụng chủ yếu liên quan đến khoản phải thu phát sinh từ dịch vụ quản lý cung cấp cho các công ty con. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro này không trọng yếu.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Giám đốc theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán vào ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố hay nắm giữ tài sản đảm bảo của các bên khác vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

12. TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		<i>VNĐ</i>
	<i>Số cuối kỳ</i>		<i>Số đầu kỳ</i>		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>			
Tài sản tài chính							
Phải thu bên liên quan	769.639.878.735	-	336.171.828.519	-	769.639.878.735	336.171.828.519	
Tiền và các khoản tương đương tiền	255.321.546	-	130.068.849.738	-	255.321.546	130.068.849.738	
TỔNG CỘNG	<u>769.895.200.281</u>	-	<u>466.240.678.257</u>	-	<u>769.895.200.281</u>	<u>466.240.678.257</u>	

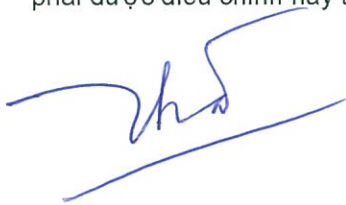
Giá trị hợp lý của tài sản tài chính được đánh giá tương đương với giá trị ghi sổ của chúng vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

13. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 21 tháng 4 năm 2014, Công ty đã phát hành 7.786.077 cổ phiếu thường mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 77.860.770.000 VNĐ từ thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ thực hiện là 1.000:669 (phát hành 669 cổ phiếu mới cho mỗi 1.000 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ) và 43.295.278 cổ phiếu mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phiếu với tổng giá trị là 432.952.780.000 VNĐ trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ thực hiện là 1.000:3.720 (phát hành 3.720 cổ phiếu mới cho mỗi 1.000 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ) cho cổ đông hiện hữu của Công ty vào ngày 17 tháng 4 năm 2014.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng này.



Võ Thị Phương Thảo
Người lên



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Lý Trần Kim Ngân
Kế toán trưởng



Trần Lê Quân
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 5 năm 2014